

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2024/DS-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Hiên

- Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161a/2024/QĐXXST-DS ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-DS ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Quốc V, sinh năm 1990; Địa chỉ: 152/3 ấp H, xã M, huyện T, tỉnh B.

- Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Quốc V: chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1989. Địa chỉ: 152/3 ấp H, xã M, huyện T, tỉnh B. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: 21/1 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1989. Địa chỉ: 152/3 ấp H, xã M, huyện T, tỉnh B. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Trần Quốc V-chị Nguyễn Thị Thu V đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vào năm 2016 anh V và ông T, bà B có thỏa thuận bằng lời nói, anh V có bán thức ăn nuôi tôm cho ông T, bà B và đến cuối vụ ông T, bà B sẽ trả tiền cho anh V, nhưng qua nhiều vụ tôm ông T, bà B chỉ trả cho anh V số ít và còn nợ lại số tiền 12.800.000 đồng, anh V đã nhiều lần liên hệ với ông T bà B để yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà B vẫn chưa trả. Số tiền nợ nêu trên là tài sản chung của tôi và anh Trần Quốc V. Nay anh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xem xét giải quyết buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới phải trả cho anh V và chị V số tiền là: 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm ngàn đồng). Trả một lần và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/08/2022 đến ngày 07/03/2024 cụ thể 12.800.000 đồng x 0.83% tháng x 19 tháng = 2.000.000 (hai mươi triệu đồng). Tổng vốn và lãi là: 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 08/03/2024 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện là 0,83%/tháng.

Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Anh Trần Quốc V khởi kiện yêu cầu ông T và bà B liên đới thanh toán cho anh V số tiền 12.800.000 đồng tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/08/2022 đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện là 0,83%/tháng là có căn cứ chấp nhận. Bởi, theo tài liệu là Bản chính Biên nhận do nguyên đơn anh Trần Quốc V cung cấp cho Toà án thể hiện nội dung “Có

nợ anh Trần Quốc V số tiền 12.800.000 (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) chủ út T hứa tới ngày 07/8//2022 trả nợ”, ông Phạm Văn T có ký tên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tài liệu là bản phô tô biên nhận nợ cho ông T và bà B theo quy định. Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T và bà B không tham gia tố tụng. Mặc dù, biên nhận nợ không thể hiện khoản nợ là gì nhưng nguyên đơn xác nhận đây là tiền nợ thức ăn nuôi tôm, bị đơn nhận được biên nhận nhưng không ý kiến phản đối, nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng mua bán có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Việc ông T và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V. Do đó, ông T và bà B có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc 12.800.000 đồng tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/08/2022 đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện là 0,83%/tháng cho anh V và chị V.

Theo Công văn số 157/UBND-TP ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã M xác nhận (BL: 28): qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 2002 đến nay không có tên ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B trong sổ bộ lưu tại UBND xã M, huyện T. Do đó, ông T và bà B không phải là vợ chồng nên không liên đới thanh toán nợ theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông T và bà B cùng mua thức ăn nuôi tôm, nên ông bà có nghĩa vụ cùng liên đới trả khoản nợ trên cho anh Trần Quốc V theo Điều 288 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 217 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 288, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V và chị Nguyễn Thị Thu V số tiền 12.800.000 đồng tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/08/2022 đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 21/1 ấp A, xã M,

huyện T, tỉnh B do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt; Bị đơn Phạm Văn T và Nguyễn Thị B đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: anh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xem xét giải quyết buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V và chị V số tiền là: 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm ngàn đồng). Trả một lần và tiền lãi chậm trả thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 07/08/2022 đến ngày 07/03/2024 cụ thể $12.800.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 19 \text{ tháng} = 2.000.000$ (hai mươi triệu đồng). Tổng vốn và lãi là: 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 08/03/2024 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện là 0,83%/tháng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng mua bán tài sản giữa anh Trần Quốc V và ông Phạm Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và B đăng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Phạm Văn T và Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T và bà B vẫn vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó tài liệu là Bản chính Biên nhận có nội dung “*Có nợ anh Trần Quốc V số tiền 12.800.000 (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) chú út T hứa tới ngày 07/8//2022 trả nợ*” do nguyên đơn cung cấp được xác định là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Công văn số 157/UBND-TP ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T có nội dung: “*...qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 2002 đến nay không có tên ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B trong sổ bộ lưu tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T...*”. Do đó, ông T, bà B không phải là vợ chồng nên không liên đới nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông T,

bà B cùng mua thức ăn nuôi tôm để phát triển kinh tế chung trong gia đình, nên phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ nêu trên trên cho anh V và chị V theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định hiện nay ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B còn nợ anh Trần Quốc V số tiền 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm ngàn đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó việc anh Trần Quốc V yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V và chị Nguyễn Thị Thu V số tiền nợ gốc 12.800.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/08/2022 đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V và chị Nguyễn Thị Thu V được tính như sau: 12.800.000 đồng + 12.800.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng 12 ngày = 15.392.255 đồng.

[6] Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 5% x 15.392.255 đồng = 769.612 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quốc V và chị Nguyễn Thị Thu V số tiền 15.392.255 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 15.392.255 \text{ đồng} = 769.612 \text{ đồng}$.

Anh Trần Quốc V được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 370.000 đồng theo biên lai thu số 0000027 ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư